

Bản án số: 200/2025/DS-PT
Ngày: 22/7/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Y Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 205/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2255/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Y, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. **Bị đơn:** Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là: Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị A:* Anh Trần Chí T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long). *(có mặt)*

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị A:* Bà Tràng Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (nay là Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long). *(có mặt)*

3.2. Chị Trần Thị P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị P:* Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

* **Người kháng cáo:** Anh Đặng Thanh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2022 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, diện tích 432m² do hộ bà Đặng Thị A đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 1996, sau đó có chuyển nhượng một phần đất cho người khác. Trước năm 2004, trên đất có căn nhà cột đúc mái lá, từ năm 2004 thì xây lại căn nhà ba căn bê tông, mái tôn. Tài sản này được ba thành viên trong gia đình gồm: Bà Đặng Thị A, người anh Đặng Thanh H và chị Y đóng góp tạo lập. Năm 2006, chị Y lập gia đình và tách hộ khẩu riêng, chỉ còn lại vợ chồng anh H sống chung nhà với bà Anh. Năm 2011, anh H lén lút chở bà A làm thủ tục tặng cho thửa đất cho anh H. Ngày 18/4/2011, anh H được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 314, diện tích 432m². Khi anh H được đứng tên thửa đất thì không chăm sóc tốt cho bà Anh. Từ ngày 01/5/2021, vợ chồng anh H chuyển đi nơi khác sinh sống nên việc nuôi dưỡng và chăm sóc bà Anh do chị Y lo. Việc tặng cho quyền sử dụng đất ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Y nên chị Y yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 314, tờ bản đồ số 05 vô hiệu. Chị Y yêu cầu anh H, chị P giao lại diện tích 92.5m² (phần 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa 314, tờ bản đồ số 05 và giao lại 1/3 giá trị căn nhà.

* *Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Thanh H trình bày:*

Thửa đất số 314, tờ bản đồ 05 có nguồn gốc của bà ngoại Trương Thị L cho mẹ Đặng Thị A. Từ nhỏ, anh và bà A sống chung nhà trên thửa đất này. Bà A có anh và chị Y là con. Sau khi bán đất muối, số tiền bán đất muối đang gửi Ngân hàng còn 20.000.000 đồng do anh đứng tên gửi, bà A kêu anh rút 20.000.000 đồng giao lại cho bà A thì bà A sẽ chuyển sổ đất cho anh đứng tên. Sau khi bà A chuyển sổ đất thì anh đã rút tiền đưa lại cho bà A và bà A cũng đã gửi lại tiền ở Ngân hàng với tên của bà

A. Trong quá trình vợ chồng anh sống chung nhà với bà A thì mỗi khi đi xà lan về, anh đều cho tiền bà A; ở nhà chị P với bà A có xảy ra cự cãi gì thì anh không biết, riêng đối với anh thì bà A cũng có nói lời lẽ không hay. Thửa đất và nhà, anh có tu bổ, cụ thể: làm tiền chề, mua tấm lợp, làm hàng rào, tráng sân, tô tường, kêu xe đồ khoảng 180 xe đất. Ngày 14/4/2021, bà A đập đồ, đuổi vợ chồng anh không cho ở chung nữa. Sau khi bà A đuổi vợ chồng anh đi thì vợ chồng anh hỏi nhà cậu vợ ở tạm, lâu lâu về vì anh đi xà lan, chị P đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp mẹ con hòa thuận thì ở chung nhà, nếu không hòa thuận thì đất chia đôi, còn những gì anh tu bổ thì anh yêu cầu bà A hoàn lại giá trị cho anh.

** Theo đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A trình bày:*

Thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, diện tích 432m², đất ở nông thôn + trồng cây hàng năm khác, năm 1996 hộ bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà ba căn xây năm 2004, tài sản này được ba thành viên trong gia đình Đặng Thị A, Đặng Thanh H, Đặng Thị Y tạo lập. Năm 2011, Đặng Thanh H lừa dối, lén lút chở bà đến Ủy ban nhân dân xã T cho rằng ký tên đổi giấy chứng nhận theo quy định mới, nhưng bà ký là hợp đồng tặng cho thửa đất cho anh H. Ngày 18/4/2011 thì anh H đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 314. Sau khi anh H đứng tên giấy chứng nhận thì vợ chồng anh H thường xuyên ngược đãi bà. Tháng 5/2021 đến nay vợ chồng anh H đã chuyển đi nơi khác sinh sống, bà đã lớn tuổi không tự lao động sinh sống nhưng anh H lại không chăm sóc phụng dưỡng. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc bà do con gái là Đặng Thị Y lo, bà nhận thấy anh H đã lừa dối để bà ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và anh H vào ngày 04/4/2011 tại thửa 314. Đất và nhà bà là người quản lý, sử dụng, bà chỉ có nhà và đất này không còn thửa đất nào khác nên bà yêu cầu Tòa án xem xét để bà có nơi sinh sống.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long), tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Y về việc yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà Đặng Thị A và anh Đặng Thanh H đối với thửa đất 314, tờ bản đồ số 05, diện tích qua đo đạc 279.8m² tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T vô hiệu do vi phạm chủ thể ký kết hợp đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Y yêu cầu bị đơn anh Đặng Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Phúc trả diện tích 92.5m² (phần 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Bảo Thạnh và giao lại 1/3 giá trị căn nhà.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị A. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà Đặng Thị A và anh Đặng Thanh H đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05 diện tích qua đo đạc 279.8m², tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T là vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314 tờ bản đồ số 05 tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho anh Đặng Thanh H cấp lại cho bà Đặng Thị A. Có họa đồ kèm theo.

4. Anh Đặng Thanh H không yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào việc xây nhà cũng như thuê xe chở đất trên thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T trong vụ án này nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/02/2025, bị đơn anh Đặng Thanh H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn anh Đặng Thanh H trình bày:*

Ông không đồng ý trả đất cho bà A, vì bà A đã sang tên cho ông nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà A.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A là anh Trần Chí T trình bày:*

Bà A không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh H; hiện nay, bà A đã lớn tuổi, sống một mình, trông chờ vào sự chăm sóc của con và đây là chỗ ở duy nhất của bà A nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Nguyên đơn chị Đặng Thị Y trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của anh Trần Chí T.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A là bà Trảng Thị Thu H trình bày:*

Về căn nhà trên đất thì anh H cũng có thừa nhận là tài sản riêng của bà A. Tại biên bản lấy lời khai, anh H thừa nhận anh chỉ có tu bổ nhà như xây hàng rào, nhà tiền chế... Hợp đồng tặng cho giữa bà A với anh H thì không đề cập đến căn nhà này

nên vô hiệu do không có đối tượng thực hiện được. Mặc dù hợp đồng tặng cho không có ghi điều kiện nhưng Tờ cam kết thể hiện nếu anh H không chăm sóc tốt cho bà A thì bà A được bán đất, nhà. Việc vợ chồng anh H ngược đãi bà A có chính quyền địa phương và người làm chứng đều biết. Bà A thuộc diện hộ nghèo, bà đã lớn tuổi, căn nhà trên đất là chỗ ở duy nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đặng Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn anh Đặng Thanh H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Đặng Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa anh Đặng Thanh H và bà Đặng Thị A đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Bảo Thạnh, tỉnh Vĩnh Long) vô hiệu vì bà cho rằng thửa 314 là cấp cho hộ gia đình trong đó có bà. Bị đơn anh Đặng Thanh H không đồng ý vì anh cho rằng thửa đất trên ông được bà Anh tặng cho và hiện nay anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A có yêu cầu độc lập là yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa anh Đặng Thanh H và bà Đặng Thị A đối với thửa nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà A. Do không đồng ý bản án sơ thẩm, anh H kháng cáo.

[2] Xét thấy, căn cứ lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc của mẹ bà A là bà Trương Thị L cho bà A trước năm 1980. Sau khi bà A được cho đất thì bà A cất nhà ở cùng với con là anh Đặng Thanh H, chị Đặng Thị Y. Năm 1995, bà A kê khai và hộ bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/02/1996. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) của cá nhân bà A, không phải của các thành viên trong hộ là có căn cứ.

Ngày 04/4/2011 bà A lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cho anh H. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập thành văn bản, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, thời điểm này bà A hoàn toàn minh mẫn nên về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là đảm bảo về hình thức theo quy định theo Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà A cho rằng bà bị anh H lừa dối để ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh, tuy nhiên trên thửa đất số 314 có căn nhà mà bà A đang sinh sống nhưng trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A với anh H không đề cập đến căn nhà này, đồng thời anh H cũng thừa nhận giữa bà A và anh không có thỏa thuận gì đến căn nhà trên đất nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà A và anh H đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) có đối tượng không thể thực hiện được.

[3] Mặt khác, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà A và anh H mặc dù không thể hiện việc tặng cho là có điều kiện, tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế thì bà A hiện đã lớn tuổi, không lao động gì để có thu nhập và không có tài sản nào khác ngoài thửa đất nêu trên, đồng thời căn nhà trên thửa đất số 314 cũng là nơi ở duy nhất của bà. Qua lời trình bày của bà A thì trong thời gian vợ chồng anh H sống chung nhà, bà mong muốn vợ chồng anh H chăm lo cho bà nhưng do đối xử không hòa nhã giữa các bên mà xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng anh H đã không còn sống chung nhà với bà từ năm 2021. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà A là có căn cứ. Anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Do anh H không yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào việc xây nhà cũng như thuê xe đồ đất của vợ chồng anh trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đặng Thanh H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long). Cụ thể:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123, 127, 137, 401, 411 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Y về việc yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà Đặng Thị A và anh Đặng Thanh H đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, diện tích qua đo đạc 279.8m², tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vô hiệu do vi phạm chủ thể ký kết hợp đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Y yêu cầu bị đơn anh Đặng Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị P trả diện tích 92.5m² (phần 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và giao lại 1/3 giá trị căn nhà.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị A. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011 giữa bà Đặng Thị A và anh Đặng Thanh H đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, diện tích qua đo đạc 279.8m², tọa lạc xã Bảo Thạnh, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) là vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho anh Đặng Thanh H cấp lại cho bà Đặng Thị A (Có họa đồ kèm theo).

4. Anh Đặng Thanh H không yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào việc xây nhà cũng như thuê xe chở đất trên thửa đất số 314, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) trong vụ án này nên không xem xét.

5. Về chi phí tố tụng (đo đạc, định giá, xem xét thẩm định và thu thập quy trình): số tiền 11.328.000 đồng, nguyên đơn chị Đặng Thị Y phải chịu và đã thanh toán xong.

6. Về án phí dân sự:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị Y chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000308, số 0000309 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long). Sau khi khấu trừ, nguyên đơn chỉ Y còn nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

- Bị đơn anh Đặng Thanh H chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đặng Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009124 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND huyện T (nay là TAND khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Chi cục THADS huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Phòng GD, KT, TT và THA; VP (3b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt